

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HS - ST

Ngày 07/02/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ton và bà Nguyễn Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ; Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/HSST, ngày 10 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST- HS ngày 16/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị H; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1978 tại huyện M, tỉnh Y; nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã H, huyện M, tỉnh Y; chỗ ở: Tổ 58, khu S, phường Đ, thành phố P, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm: 1956 và bà Lê Thị L, sinh năm: 1952; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 14/10/2017 hiện tạm giam Trại tạm giam Công an tỉnh N, có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị N; tên gọi khác: Không.

Sinh năm: 1970 tại huyện M, tỉnh Y; nơi ĐKNKTT: Thôn L, xã H, huyện M, tỉnh Y; chỗ ở: Không cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C1 (đã chết) và bà Đỗ Thị G, sinh năm: 1929; có chồng là Đỗ Văn C2, sinh năm 1962 (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm: 1992, con

nhỏ sinh năm: 2003; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 12/10/2017 bị tạm giam đến ngày 08/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/9/2017 đến ngày 11/10/2017, tại quán cà phê H, ở tổ 58, khu S, phường Đ, thành phố P, tỉnh N, Nguyễn Thị H đã có hành vi nhiều lần bố trí cho các chị Nguyễn Thị Đ, Dương Thị L và Phan Thanh H1 bán dâm cho nhiều người, với giá 200.000đồng/người/lượt. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/10/2017, Nguyễn Thị N đang bố trí cho các chị Dương Thị L và Nguyễn Thị Đ bán dâm cho các anh Lê Mạnh T và Hoàng Văn T1 tại quán cà phê H giúp Nguyễn Thị H, thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu tại phòng số 1: 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Vip đã xé, 01 bao cao su đã sử dụng và 05 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa sử dụng; tại phòng số 2: 01 bao cao su nhãn hiệu Love chưa sử dụng nhưng đã xé rách phần vỏ bên ngoài; tại phòng số 3 một ví giả da màu nâu bên trong có 03 bao cao su nhãn hiệu Vip chưa sử dụng. Thu của Nguyễn Thị N 400.000đồng và một điện thoại di động Nokia 1202 vỏ màu xanh xám. Thu của Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung GT- I8552.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận: H ra thành phố P từ năm 2014, khoảng tháng 3/2017 thuê căn nhà số 884 của bà Vũ Thị D tại tổ 58, khu S, phường Đ, thành phố P để kinh doanh cà phê, giải khát để biển hiệu quán là “H”. Đến đầu tháng 9/2017, H nảy sinh ý định chứa mại dâm nên đã thuê thợ ngăn căn nhà thành 03 phòng, sử dụng phòng thứ ba tính từ cửa chính vào làm chỗ ngủ cho mình còn hai phòng còn lại để chứa mại dâm. H đã đồng ý cho Đ, H1, L bán dâm tại căn nhà H thuê và thỏa thuận mỗi khách mua dâm H sẽ thu 200.000đ/1người/1lượt, khách tầm quắt kích dục thu 150.000đồng/1người/1lượt H thanh toán lại cho gái bán dâm 100.000đồng/1lượt bán dâm và 50.000đồng/1lượt kích dục và H được hưởng số tiền còn lại. Trong khoảng từ tháng 9/2017 H đã tổ chức cho Đ bán dâm 04 lần, H bán dâm 01 lần và L bán dâm 09 lần. Tổng số tiền H được hưởng từ việc chứa mại dâm là 1.300.000đồng. Chiều ngày 11/10/2017, H gọi điện cho cô ruột là Nguyễn Thị N nhờ đến trông coi, quản lý quán giúp một ngày 12/10/2017 để H về quê thăm bố ốm và dặn N để cho Đ, L ngủ nếu có khách mua dâm thì gọi dậy làm, N đồng ý.

Khoảng 17 giờ ngày 12/10/2017, H về đến quán “H” thì thấy Công an đang làm việc, H tránh đi đến ngày hôm sau thì bị Công an triệu tập.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị N khai nhận: N với H có quan hệ họ hàng là cô cháu ruột. Qua H và Đ nói thì N biết H đang mở quán cà phê giải khát lấy biển hiệu là “H” để ở và chứa mại dâm. Chiều ngày 11/10/2017, N nhận được điện thoại của H nhờ N đến quản lý quán giúp một ngày và dặn nếu có khách mua dâm thì gọi Đ, L dậy bán dâm cho khách còn nếu không có khách thì để họ ngủ. N đồng ý và sáng ngày 12/10/2017 đến quán, có L dậy ngồi chơi cùng N tại quầy bán nước còn Đ vẫn đang ngủ. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày có hai khách (sau này biết tên là T1 và T) đến đặt vấn đề mua dâm, hỏi giá. Sau khi N thỏa thuận xong giá mua dâm với khách thì T1 đưa 400.000đồng, lúc đó L ở gần đấy nên T1 đưa cho L để L đưa cho N. N gọi Đ dậy rồi bố trí cho L với T ở tại phòng số 1, Đ với T1 ở phòng số 2 để họ mua bán dâm. Khoảng 05 đến 10 phút sau, thì Công an đến phát hiện hai đôi nam nữ đang bán dâm và bắt quả tang N chứa mại dâm. Các bị cáo H, N thừa nhận Viện kiểm sát truy tố, Tòa án xét xử hành vi “Chứa mại dâm” của các bị cáo là đúng người đúng tội, không oan.

Những người làm chứng Nguyễn Thị Đ, Dương Thị L, Phan Thanh H1, Hoàng Văn T1, Lê Mạnh T, Phạm Văn T2, Nguyễn Đức T3 tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về địa điểm, thời gian, phương thức giao dịch, số lần mua bán dâm tại quán “H”. Người làm chứng Trần Trung T4, Bùi Gia V có lời khai thể hiện được chứng kiến Công an phát hiện, bắt quả tang bị cáo N có hành vi chứa mại dâm, khám xét, thu giữ vật chứng vụ án.

Tại bản cáo trạng số 12/KSĐT - HS, ngày 08/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo Nguyễn Thị H tội “chứa mại dâm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo Nguyễn Thị N bị truy tố tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999. Do Bộ luật hình sự năm 2015 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018) quy định tội “Chứa mại dâm” nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị H bị xử lý theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 và bị cáo Nguyễn Thị N bị xử lý theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên trình bày luận tội đưa ra các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị áp dụng: Khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 327; Điều 58;

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Áp dụng: Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Đối với các anh Nguyễn Văn T3, Phạm Văn T2, Hoàng Văn T1, Lê Mạnh T có hành vi mua dâm; các chị Dương Thị L, Nguyễn Thị Đ, Phan Thanh H1, Công an thành phố P đã xử phạt hành chính.

Tại phần tranh luận các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo N là lao động chính trong gia đình để cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khẳng định việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa như: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám xét, biên bản đối chất, biên bản kiểm tra điện thoại, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng, biên bản xác định địa điểm, bản luận tội của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa. Với các chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/9/2017 đến ngày 11/10/2017, tại quán cà phê H, ở tổ 58, khu S, phường Đ, thành phố P, tỉnh N, Nguyễn Thị H đã có hành vi nhiều lần bố trí cho các chị Nguyễn Thị Đ, Dương Thị L và Phan Thanh H1 bán dâm cho nhiều người, với giá

200.0000đồng/người/lượt. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/10/2017, Nguyễn Thị N đang bố trí cho các chị Dương Thị L và Nguyễn Thị Đ bán dâm cho các anh Lê Mạnh T và Hoàng Văn T1 tại quán cà phê H giúp Nguyễn Thị H, thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống lành mạnh, văn minh cũng như đạo đức xã hội chủ nghĩa. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu được sự nghiêm cấm của pháp luật đối với hành vi chứa mại dâm nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, phạm tội với lỗi cố ý vì mục đích vụ lợi. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H đủ yếu tố cấu thành tội: “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị N đủ yếu tố cấu thành tội: “Chứa mại dâm”, quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015. Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó bị cáo H thuê địa điểm, thiết kế phòng và các điều kiện vật chất khác phục vụ hoạt động mại dâm, nhận gái mại dâm, trực tiếp điều hành thu tiền của khách, thanh toán tiền và sắp xếp phòng cho gái mại dâm hành nghề tại nơi ở của mình mục đích thu lợi bất chính. Vì vậy bị cáo H giữ vai trò chính. Bị cáo N dù biết bị cáo H chứa mại dâm nhưng vẫn đồng ý quản lý việc chứa mại dâm cho H, đã giúp sức cho H trong việc sắp xếp, bố trí phòng, bố trí gái mại dâm cho khách đến mua dâm, trực tiếp thu tiền của khách như vậy bị cáo N là đồng phạm thực hành có vai trò sau bị cáo H.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt; Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo H có hành vi chứa mại dâm nhiều lần đây là tình tiết định khung nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ các tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật mà cải tạo, giáo dục thành người lương thiện có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nhưng các bị cáo đều không có việc làm, thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 vỏ bao cao su Vip đã xé, 01 bao cao su đã sử dụng, 01 bao cao su đã bị xé rách phần vỏ bao bên ngoài, quá trình điều tra đã tịch thu tiêu hủy nên không đề cập xử lý; Đối với 08 bao cao su chưa sử dụng thu tại quán của H, giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu hủy; 400.000đồng thu của N do phạm tội mà có, 01 Điện thoại di động Nokia của bị cáo N và 01 điện thoại di động Sam Sung của bị cáo H, sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước; Bị cáo H được hưởng 1.300.000đồng từ hành vi chứa mại dâm nên buộc bị cáo phải nộp lại sung ngân sách Nhà nước; 01 Ví giả da màu nâu không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 327; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thị H 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt ngày 14 tháng 10 năm 2017.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 327; Điều 58; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thị N 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án (được trừ đi những ngày bị tạm giam từ ngày 12/10/2017 đến ngày 08/01/2018).

Áp dụng: Điểm a, b, c, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 08 (tám) bao cao su chưa sử dụng; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh viền màu xám, Model: 1202, kèm 01 sim, 01 pin và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, màu đen, Model : GT- I5852, kèm 01 sim, 01 pin.

Buộc bị cáo H phải nộp đề sung vào ngân sách Nhà nước: 1.300.000đ (một triệu ba trăm nghìn đồng). Trả lại bị cáo H: 01 (một) ví giả da màu nâu.

(Tình trạng vật chứng được thi hành theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 69/BB- THA, ngày 30/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các bị cáo, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh N;
- Viện KSND tỉnh N;
- Viện KSND thành phố P;
- Cơ quan điều tra; CQ THA hình sự; Trại tạm giam Công an tỉnh N;
- Chi cục THA dân sự Thành phố P;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trọng Hiệp

